

Tham gia chuỗi giá trị toàn cầu – lợi ích của các doanh nghiệp nội địa khi gắn kết với doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam

Đàm Quang Vinh*

Bài viết tập trung trao đổi về những lợi ích cho các doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu thông qua việc gắn kết với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của các tập đoàn đa quốc gia tại Việt Nam. Bài viết đã tiến hành khảo cứu các nghiên cứu về “Chuỗi giá trị toàn cầu”, các luồng di chuyển về sản xuất trên thế giới, quá trình tái phân bổ mạng lưới sản xuất của các tập đoàn đa quốc gia, chiến lược thu hút FDI trong liên kết với doanh nghiệp nội địa. Trên cơ sở đó, bài viết đưa ra một số luận điểm về tham gia và lựa chọn các cấu phần có giá trị trong chuỗi giá trị toàn cầu gắn với các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam.

Từ khóa: chuỗi giá trị toàn cầu, mạng sản xuất toàn cầu, doanh nghiệp FDI

1. Đặt vấn đề

Hội nhập kinh tế quốc tế thực chất là một quá trình mở cửa và tham gia phân công lao động quốc tế. Trong đó, để tham gia phân công lao động quốc tế, mỗi quốc gia trước hết phải đứng trên những lợi thế quốc gia của mình để đề ra chiến lược và định hướng cho các doanh nghiệp tham gia vào những lĩnh vực mà mình có lợi thế. Về phía các doanh nghiệp, họ có hai hướng phát triển: thứ nhất là tạo lập và lãnh đạo một chuỗi giá trị toàn cầu nhằm khai thác lợi thế của các nước sở tại, nâng cao năng lực cạnh tranh và lợi nhuận và thứ hai là lựa chọn tham gia các cấu phần chuỗi phù hợp và tối đa hóa lợi ích cho riêng mình.

Tại Việt Nam, rất ít doanh nghiệp đủ năng lực tạo lập và lãnh đạo được các chuỗi giá trị toàn cầu. Hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam chỉ được đánh giá là doanh nghiệp nhỏ và vừa, năng lực hạn chế. Trong bối cảnh đó, việc xem xét các cơ hội tham gia chuỗi giá trị toàn cầu là bước đi vừa sức với hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Với nhận định như vậy, bài viết đánh giá các lợi ích khi tham gia chuỗi giá trị toàn cầu cho các doanh nghiệp Việt Nam đến từ các chuỗi do các tập đoàn đa quốc gia đem đến Việt Nam thông qua các hoạt động FDI.

2. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của chuỗi giá trị toàn cầu

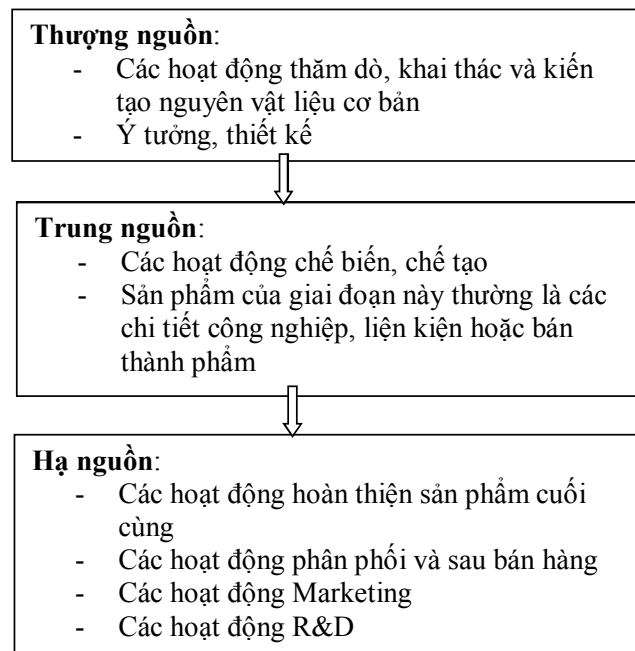
Trên thực tế, đang tồn tại một số cách tiếp cận

khác nhau từ phía các nhà nghiên cứu Việt Nam về “chuỗi giá trị toàn cầu”. Tựu trung, có thể thấy đang tồn tại hai cách tiếp cận cơ bản. Thứ nhất, hướng tiếp cận “Thương mại và dịch vụ hậu cần công nghiệp – logistics” chủ yếu tập trung vào việc tìm kiếm các giá trị tăng thêm từ việc tham gia các hoạt động cung ứng và dịch vụ hậu cần. Thứ hai, hướng tiếp cận “Mạng sản xuất toàn cầu” chủ yếu tập trung vào việc tìm kiếm các lợi ích từ việc hợp lý hóa hệ thống sản xuất trên quy mô toàn cầu trên cơ sở khai thác triệt để lợi thế so sánh của từng quốc gia và xu hướng quốc tế hóa các hoạt động thương mại và đầu tư toàn cầu.

Nhìn theo khía cạnh của “dòng chảy sản xuất”, một chuỗi giá trị toàn cầu tối giản thường có đích đến là một sản phẩm cụ thể với ba phân đoạn lớn có đặc trưng kỹ thuật tương đối tách biệt đó là các phân đoạn: Thượng nguồn – trung nguồn – hạ nguồn.

Về cơ bản, chuỗi giá trị toàn cầu là một tiến trình, trong đó công nghệ được kết hợp với các nguồn nguyên liệu và lao động theo phương thức toàn cầu hóa trên cơ sở khai thác tối đa lợi thế so sánh ở từng quốc gia mà các doanh nghiệp tham gia vào các công đoạn khác nhau, từ nghiên cứu triển khai, sản xuất, lắp ráp, marketing, phân phối và hỗ trợ người tiêu dùng. Mỗi doanh nghiệp có thể là một mắt xích trong dây chuyền này hoặc cũng có thể hợp nhất theo chiều dọc của chuỗi trên phạm vi toàn cầu.

Hình 1: Mô hình chuỗi giá trị theo dòng chảy sản xuất



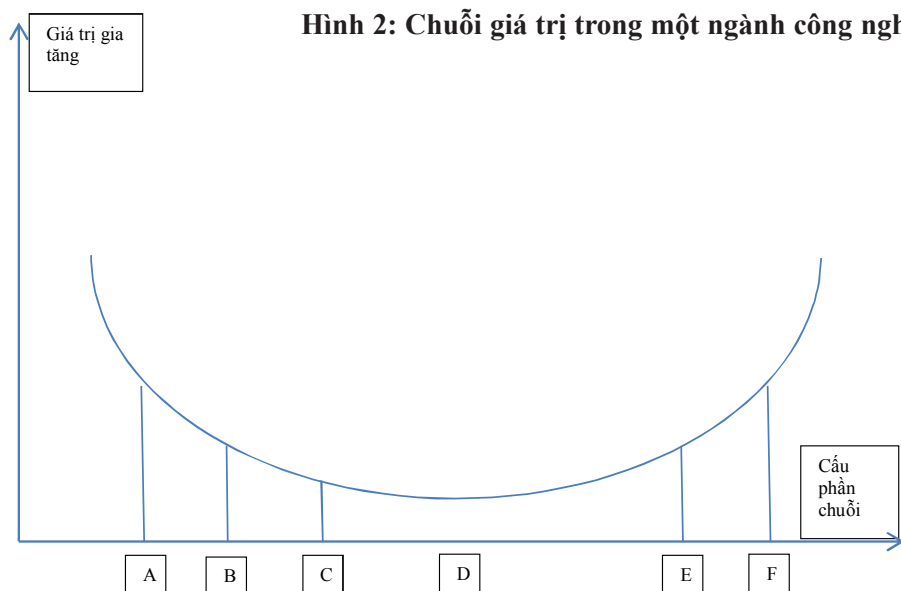
Nguồn: (Đàm Quang Vinh, 2014)

Ở một góc độ khác, nếu không nhìn chuỗi giá trị theo dòng chảy sản xuất, các nhà nghiên cứu đã mô tả chuỗi giá trị theo những cấu phần có mức đóng góp về giá trị gia tăng khác nhau. Hình 2 cho thấy một quy luật khá phổ biến trong đóng góp giá trị gia tăng khác nhau của các cấu phần trong hầu hết các

ngành công nghiệp.

Từ cách tiếp cận khái niệm chuỗi giá trị toàn cầu trên đây, chuỗi giá trị toàn cầu có một số đặc điểm cơ bản như sau:

- *Chuỗi giá trị toàn cầu là sự tích hợp các cấu phần sản xuất ở nhiều quốc gia:* vì toàn cầu hóa nền



A: Nghiên cứu, triển khai	D: Lắp ráp
B: Thiết kế	E: Khai thác thị trường, tiếp thị
C: Sản xuất bộ phận, linh kiện	F: Chiến lược, thương hiệu

Nguồn: (Nguyễn Văn Hùng, 2008)

sản xuất đưa đến sự hợp nhất các hoạt động được phân tán ở nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới (Nguyễn Văn Hùng, 2008).

- *Chuỗi giá trị toàn cầu là sự liên kết căn bản theo chiều dọc*: Liên kết này bao gồm từ các hoạt động sản xuất thượng nguồn đến các hoạt động sản xuất hạ nguồn cho tới khi hoàn thành một chu kỳ sống của một sản phẩm cụ thể. Trong suốt chiều dọc của sự liên kết này, tùy theo tính chất phức tạp (chủ yếu về mặt công nghệ) trong việc sản xuất một sản phẩm, chuỗi có thể tích hợp các liên kết ngang trong từng cầu phân sản xuất nhằm tận dụng các lợi thế chuyên ngành của các công ty khác trong quá trình hoàn thiện sản phẩm chủ lực của mình. Chính điều này về sau sẽ đưa chúng ta đến với khái niệm “mạng sản xuất toàn cầu”.

- *Chuỗi giá trị toàn cầu gắn với mục tiêu giảm chi phí và nâng cao hiệu quả*: Khi các tập đoàn quyết định chia nhỏ các phân đoạn sản xuất của họ và chuyển giao những phân đoạn có giá trị gia tăng thấp sang những quốc gia, vùng lãnh thổ có lợi thế so sánh cao hơn, họ đã khuyến khích và tạo điều kiện cho các quốc gia, các công ty ở những quốc gia này có cơ hội tham gia chuỗi giá trị của họ. Hoạt động này có thể được thực hiện dưới các hình thức như: thuê nước ngoài gia công, liên doanh nước ngoài, hoặc đầu tư 100% vốn ở nước ngoài. Mục đích chính của các hoạt động này là tìm nơi có chi phí sản xuất thấp nhất và hiệu quả tổng thể cao nhất cho một chuỗi giá trị hay cho các tập đoàn đa quốc gia (Nguyễn Văn Hùng, 2008).

Khi quan sát sự phát triển của chuỗi giá trị toàn cầu, có thể thấy, sự phát triển của nó gắn liền với các hoạt động đầu tư của các tập đoàn đa quốc gia ra bên ngoài lãnh thổ quốc gia của họ. Hoạt động này đã tạo ra sự thay đổi mạnh mẽ trong hệ thống sản xuất toàn cầu. Những quốc gia chậm phát triển hơn từ chỗ chỉ mong có việc làm để có thu nhập, đã nhanh chóng tiếp cận và làm chủ được nhiều lĩnh vực sản xuất công nghiệp phức tạp vốn chỉ là sự độc quyền của thế giới Phương Tây. Những quốc gia thành công nhất trong việc này sẽ là những nước đứng trong hàng ngũ OECD (Hàn Quốc và Đài Loan). Quá trình tìm kiếm những địa điểm sản xuất thuận lợi đã tạo ra những dòng đầu tư và sản xuất đa chiều trên khắp thế giới. Thực tế này cho thấy một số những vai trò căn bản của chuỗi giá trị toàn cầu đối

với hệ thống sản xuất quốc tế như sau:

- *Đẩy mạnh và làm sâu sắc quá trình phân công lao động quốc tế*: Hãng Ford đã từng tự hào, vào đầu thế kỷ 20, là họ có một khu công nghiệp đủ mạnh để khi đưa đầu vào là một khối sắt, chỉ 40 giờ đồng hồ sau sẽ cho ra một chiếc ô tô (Nguyễn Công Bình, 2008). Giờ đây, sẽ không còn hãng ô tô nào tự hào về điều đó nữa. Họ chuyển giao những cầu phân sản xuất ô nhiễm, tốn lao động và ít lãi sang các quốc gia đông dân khác, họ chỉ giữ lại những cầu phân sản xuất có giá trị gia tăng cao mà thôi. Quá trình này hiện nay vẫn tiếp tục một cách mạnh mẽ với việc các phân đoạn sản xuất ngày càng được chia nhỏ hơn. Chính quá trình chia nhỏ các phân đoạn sản xuất, chuyển giao chúng cho các nhà sản xuất địa phương của các tập đoàn đa quốc gia trên nền tảng của các xu hướng toàn cầu hóa về kinh tế đã tạo ra các chuỗi giá trị toàn cầu, đồng thời, quá trình này trên thực chất là một quá trình phân công lao động và tham gia phân công lao động trên quy mô toàn cầu với mức độ ngày càng sâu sắc hơn.

- *Chi phí sản xuất toàn cầu liên tục được cắt giảm*: Yêu cầu hiệu quả sản xuất với chi phí thấp nhất được coi là mệnh lệnh của các tập đoàn trong môi trường toàn cầu hóa, đây cũng là điều kiện cần thiết để xâm nhập thị trường toàn cầu. Chính mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị toàn cầu đã đáp ứng tham vọng của các tập đoàn đa quốc gia. Mô hình này đã cho phép các tập đoàn đa quốc gia tận dụng được những công đoạn sản xuất với chi phí thấp do khai thác được các lợi thế so sánh của các nhà sản xuất sở tại. (ví dụ: các chuỗi dệt may thường chuyển cầu phân may gia công sang các quốc gia có lợi thế về nhân lực giá rẻ như Trung Quốc, Việt Nam, Bangladesh,... trong khi vẫn giữ các cầu phân sáng tạo tại chính quốc).

- *Các công ty nhỏ tại các quốc gia chậm phát triển được trao cơ hội gia nhập thị trường toàn cầu*: Gia nhập thị trường toàn cầu giúp cho tăng trưởng thu nhập ổn định và cải thiện môi trường làm việc cho các doanh nghiệp và người dân địa phương tại các nước sở tại. Điều này phần lớn là nhờ vào các dòng đầu tư sản xuất từ các tập đoàn đa quốc gia cũng như khả năng bao tiêu sản phẩm đầu ra của họ.

- *Tạo điều kiện cho quá trình chuyển giao sản xuất và công nghệ từ các quốc gia phát triển sang các quốc gia đang phát triển*: Không có các hoạt

động đầu tư và chuyển giao công nghệ từ các tập đoàn đa quốc gia, chắc chắn chúng ta khó có thể thấy một môi trường kinh tế và sản xuất sôi động như hiện nay tại tất cả các khu vực trên thế giới.

Có thể nói rằng toàn cầu hóa là vấn đề nền tảng của chuỗi giá trị toàn cầu; Tập đoàn đa quốc gia là chủ thể chính tạo lập các chuỗi giá trị; Các nhà sản xuất vệ tinh là những người tìm kiếm các giá trị gia tăng trên từng cấu phần mà họ tham gia phù hợp với năng lực nội tại và điều kiện lợi thế quốc gia nơi họ hoạt động.

Việc các nhà sản xuất vệ tinh gắn bó lâu dài với các hãng dẫn đầu chuỗi thường xuất phát từ những lựa chọn chiến lược tham gia chuỗi giá trị toàn cầu với những lợi ích cơ bản sau đây:

- Gia công sản phẩm, tạo công ăn việc làm;
- Mượn danh “người khổng lồ” để khẳng định danh tiếng;
- Nhận chuyển giao công nghệ và đầu tư trang thiết bị;
- Tự đầu tư trang thiết bị, phát triển công nghệ, mua bằng sáng chế để chủ động tham gia vào một chuỗi giá trị tiềm năng.

Từ những nhận định như trên, bài viết đưa ra những luận điểm tìm kiếm lợi ích cho các doanh nghiệp Việt Nam khi tham gia chuỗi giá trị toàn cầu thông qua việc gắn kết với các chuỗi giá trị của các tập đoàn đa quốc gia có hoạt động FDI tại Việt Nam.

3. Lợi ích từ việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của các doanh nghiệp Việt Nam

Đi tìm lợi ích cho các doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu, có lẽ trước mắt, sự thuận lợi nhất là tìm ra các điểm tương đồng cho mối liên kết giữa các doanh nghiệp Việt Nam và các doanh nghiệp FDI. Trong một nền kinh tế mở, một nền kinh tế hướng ngoại, đồng thời là một nền kinh tế thị trường hiện đại, mối liên kết này không nên được xây dựng trên những cam kết mang tính hành chính, mà phải tìm ra những cam kết mang tính thị trường, đôi bên cùng có lợi. Điều này, hoàn toàn phù hợp với những gì đã đề cập về vai trò của chuỗi giá trị toàn cầu. Trong mối liên kết này, chính phủ Việt Nam cần tạo lập cho các doanh nghiệp Việt Nam những lợi thế so sánh, coi như “của hồi môn”, để có cơ hội tham gia vào các cấu phần sản xuất trong các chuỗi giá trị toàn cầu mà các doanh nghiệp FDI

mang đến.

Trong các lý thuyết thương mại quốc tế, để xác định lợi thế so sánh của một quốc gia, các nhà nghiên cứu thường đề cập đến các nhóm nhân tố như: nguồn lực tự nhiên, lao động và tư bản. Tuy nhiên trên thực tế, lao động được chia thành lao động chưa qua đào tạo (có thể coi là nhân tố tự nhiên có); lao động qua đào tạo; lao động sáng tạo - phản ánh nền tảng công nghệ quốc gia phải được bồi dưỡng, tích lũy lâu dài và đòi hỏi những điều kiện lao động cao cấp (ví dụ như phòng thí nghiệm đạt chuẩn quốc tế hiện đại). Mặt khác, thuật ngữ “tư bản” trong trường hợp này là khá trừu tượng và đa nghĩa. Chính vì vậy, để xác định lợi thế so sánh tạo khả năng liên kết doanh nghiệp Việt Nam với doanh nghiệp FDI, bài viết dựa vào việc xem xét những nhân tố có sẵn không thể thay đổi được, những nhân tố có thể thay đổi dưới sự tích lũy của xã hội hoặc sự tác động của chính phủ. Theo cách phân loại này, sẽ có 3 nhóm nhân tố cơ bản để xác định lợi thế so sánh quốc gia sau:

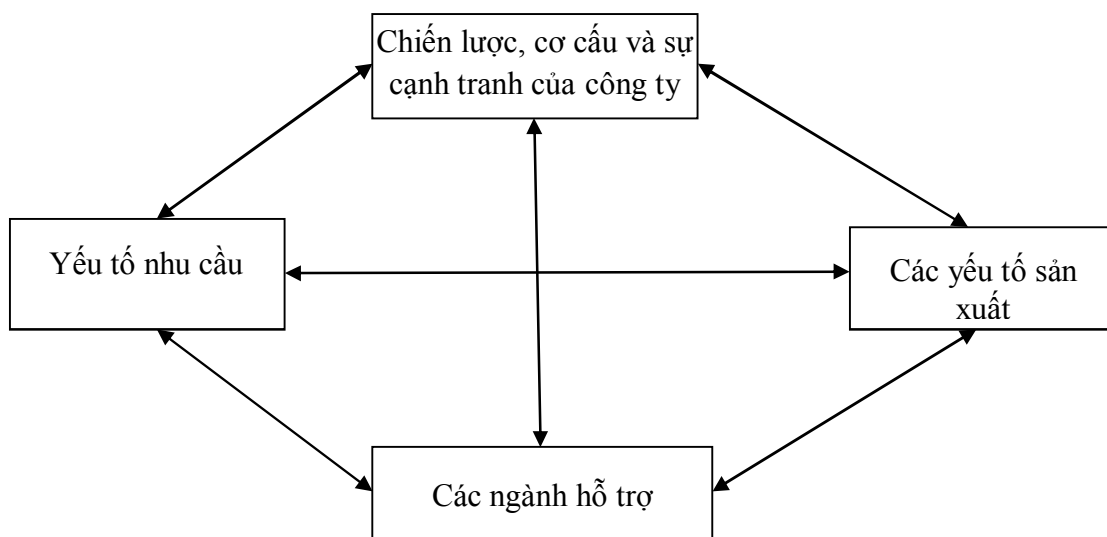
- *Nhóm các nhân tố tự nhiên*: Đây là những nhân tố tự nhiên mà một quốc gia có được lợi thế so với các quốc gia khác trong việc tham gia vào một chuỗi sản xuất hay kinh doanh nào đó. Đây là những nhân tố mà nếu quốc gia không có thì không thể tự tạo ra được. Những nhân tố này trước hết phải kể đến là các điều kiện về khí hậu, tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, vị trí địa lý,...

- *Nhóm nhân tố tích lũy*: Đây là những nhân tố không suất phát từ tự nhiên, mà quốc gia có được nhờ vào quá trình tạo lập và tích lũy lâu dài: năng lực công nghệ quốc gia, giáo dục đào tạo, hạ tầng cơ sở, trình độ phát triển kinh tế,... Cách nhìn nhận nhóm nhân tố này cũng gần tương đồng với cách nhìn nhận của Michael Porter khi đề cập đến lợi thế quốc gia trong thương mại quốc tế.

- *Nhóm nhân tố thể chế, chính sách*: Nhóm nhân tố này phần nào giống với nhóm nhân tố tích lũy, tuy nhiên các vấn đề thể chế, chính sách và luật pháp phần nào linh động và dễ điều chỉnh và cập nhật thông qua ý chí và quyết tâm của chính quyền.

Nhìn một cách tổng thể, lợi ích quốc gia của Việt Nam không chỉ giành riêng cho các doanh nghiệp nội địa. Đây là yếu tố mà bất kỳ doanh nghiệp nào hoạt động tại Việt Nam cũng có thể khai thác nó, bao gồm cả các doanh nghiệp FDI. Vì vậy, để tìm

Hình 3: Mô hình viên kim cương của Michael Porter



Nguồn: (Porter, 1985)

kiếm lợi ích thông qua việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu cũng đồng nghĩa với việc các doanh nghiệp nội địa phải gắn kết được với các dự án FDI của các tập đoàn đa quốc gia thông qua các thỏa thuận về cung cấp hàng hóa đầu vào (sản phẩm của ngành khai thác, ngành công nghiệp hỗ trợ,...); cung cấp dịch vụ (các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics); các thỏa thuận gia công quốc tế; các thỏa thuận chia sẻ công nghệ và hợp tác sản xuất;...

Việc các doanh nghiệp nội địa tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và được chia sẻ cấu phần chuỗi giá trị nào trước hết là phụ thuộc năng lực nội tại của chính doanh nghiệp. Lợi ích mà các doanh nghiệp đạt được khi tham gia chuỗi giá trị toàn cầu được đánh giá là phù hợp khi doanh nghiệp biết khai thác đúng năng lực nội tại của mình song trùng với những lợi thế quốc gia tại nơi doanh nghiệp hoạt động. Điều thuận lợi đầu tiên là khai thác những lợi thế có sẵn, hoặc sẵn có (như các doanh nghiệp trong ngành khai khoáng, hoặc các doanh nghiệp dệt may đã làm khi tham gia cấu phần gia công cho các hãng thời trang danh tiếng thế giới). Để hướng tới những cấu phần có giá trị gia tăng cao hơn cũng gần như đồng nghĩa với việc các doanh nghiệp phải tích lũy đủ năng lực nội tại, phải đầu tư nhiều hơn để có thể khai thác được những lợi thế thuộc nhóm 2. Hơn nữa, doanh nghiệp nội địa chỉ có thể có được lợi thế thuộc nhóm 3 khi có sự quan tâm sâu sắc của Chính phủ. Bài học gần đây là khi các doanh nghiệp Nhật Bản có xu hướng chuyển các cấu phần sản xuất của họ khỏi Trung Quốc, họ có nhiều sự lựa chọn cho các điểm

đến, các nhà nghiên cứu đã cảnh báo nếu môi trường chính sách không được cải thiện, doanh nghiệp Nhật sẽ không đến Việt Nam mà có xu hướng chuyển qua các quốc gia lân cận có cùng các điều kiện tương đồng Việt Nam, như vậy, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ mất đi cơ hội được hợp tác với các dự án này.

Đi vào từng nhóm nhân tố, có thể thấy là các doanh nghiệp Việt Nam sẽ tìm kiếm được các lợi ích khác nhau từ việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu cụ thể như sau:

Tận dụng nhóm nhân tố tự nhiên về lợi thế so sánh:

Với nhóm nhân tố tự nhiên, như đã phân tích, các đặc điểm về tự nhiên, đất đai, lao động giá rẻ đang là thế mạnh của Việt Nam. Chính phủ và các doanh nghiệp Việt Nam nên kêu gọi FDI đem các chuỗi giá trị ngành nông nghiệp công nghệ cao; chuỗi giá trị các ngành công nghiệp thâm dụng lao động;... vào Việt Nam. Việc tiếp theo là các doanh nghiệp nội địa xác định lựa chọn những cấu phần nào để đảm nhận. Các cơ quan quản lý nhà nước khi duyệt dự án, có thể làm “bà mối” với các hãng nước ngoài liên kết với các doanh nghiệp nội địa. Trong vấn đề này, Chính phủ nên ưu tiên cấp phép cho các doanh nghiệp nước ngoài có thế mạnh về đầu ra, công nghệ nuôi trồng tiên tiến và thân thiện môi trường. Với việc tận dụng những nhân tố này, như đã phân tích ở trên, lợi ích chủ yếu mà các doanh nghiệp Việt Nam đạt được khi tham gia chuỗi giá trị toàn cầu là

việc tạo công ăn việc làm cho người lao động, kiếm lợi nhuận từ khai thác và bán tài nguyên thiên nhiên. Phần giá trị gia tăng giành cho những cấu phần này là không cao, vì vậy nếu doanh nghiệp Việt Nam được lợi nhiều thì người lao động và ngân sách quốc gia sẽ chịu thiệt, ngược lại, nếu người lao động và ngân sách quốc gia được lợi, doanh nghiệp sẽ không có nhiều tích lũy.

3.1. Tận dụng nhóm nhân tố tích lũy về lợi thế so sánh

Với nhóm nhân tố tích lũy, trong điều kiện của nền kinh tế thị trường hiện đại, Chính phủ không nên nôn nóng mà áp dụng các biện pháp mang tính khiên cưỡng, hành chính. Cần rà soát những doanh nghiệp có đủ năng lực, tạo điều kiện cho họ thông qua các hỗ trợ gián tiếp như hoạt động đào tạo, tư vấn và xây dựng các khu công nghiệp tập trung về công nghiệp hỗ trợ coi đó như những đầu tư ban đầu cho họ về đất đai, nhà xưởng,... Mặt khác, các hội trợ ngành công nghiệp hỗ trợ Việt Nam được tổ chức sẽ giúp các doanh nghiệp FDI thuận lợi trong tìm kiếm đối tác sở tại. Hoạt động hỗ trợ này của Chính phủ cũng có thể được các doanh nghiệp FDI coi như những cam kết lâu dài, nghiêm túc của Chính phủ Việt Nam trong việc hội nhập kinh tế quốc tế theo chiều sâu.

Lợi ích cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia chuỗi giá trị toàn cầu khi tận dụng nhóm nhân tố này chính là tham gia vào các cấu phần phức tạp hơn về công nghệ và quản lý. Khi tham gia vào các cấu phần này, lợi ích đem đến cho các doanh nghiệp không chỉ là công ăn việc làm cho người lao động, mà chính là khả năng được chia sẻ công nghệ quản lý, công nghệ sản xuất ở trình độ tiên tiến. Việc trở thành đối tác sản xuất của các tập đoàn đa quốc gia, việc tham gia vào các chuỗi giá trị công nghiệp công nghệ cao còn giúp các doanh nghiệp Việt Nam khẳng định được vị thế và thương hiệu của mình trên trường quốc tế. Điều này có thể được xem như nhân tố lan tỏa để tiếp tục thu hút các dự án FDI và quá trình chuyển giao sản xuất từ các tập đoàn đa quốc gia cho các doanh nghiệp Việt Nam ở các cấu phần công nghệ cao hơn. Ví dụ cho vấn đề này có thể thấy rõ nhất trong một số ngành công nghiệp chủ chốt như công nghiệp ô tô. Các doanh nghiệp Thái Lan đã vươn lên những cấu phần công nghệ cao có giá trị gia tăng lớn (như sản xuất động cơ) trong khi

các doanh nghiệp Việt Nam mới đang đi những bước đầu tiên với những cấu phần đơn giản hơn, đương nhiên là với giá trị gia tăng thấp hơn (như sản xuất dây điện).

3.2. Tận dụng nhóm nhân tố thể chế, chính sách về lợi thế so sánh

Nhóm nhân tố này mang tính chủ quan rất cao. Đây là hành động thực tế của Chính phủ trong việc cải thiện môi trường đầu tư, môi trường kinh doanh không chỉ cho các doanh nghiệp FDI mà còn cả với các doanh nghiệp nội địa. Lâu nay, giới doanh nghiệp thường phàn nàn nhiều về việc các địa phương ít quan tâm đến “nuôi dưỡng nguồn thu” mà chỉ tập trung “tận dụng nguồn thu”. Điều này không chỉ làm khó cho các doanh nghiệp mà còn cản trở họ đến với các tư duy kinh doanh bền vững, đầu tư lâu dài, tích lũy để leo lên các nấc thang cao hơn của chuỗi giá trị. Đã đến lúc chúng ta cần đi vào những việc cụ thể để mở đường cho các doanh nghiệp FDI đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp nội địa đầu tư lâu dài cho một chiến lược tham gia chuỗi giá trị toàn cầu cũng như đặt ra một lộ trình cụ thể trong việc tiếp nhận những cấu phần có giá trị gia tăng cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Xét về mặt chính sách, quá trình tự do hoá thương mại trong khu vực sẽ dẫn đến một xu hướng là các quốc gia trong khu vực cơ cấu lại các cơ sở sản xuất, thúc đẩy sự phân công sản xuất trên phạm vi khu vực theo mô hình chuỗi giá trị toàn cầu. Quá trình chuyên môn hoá sản xuất trong khu vực này sẽ là một cơ hội, đồng thời cũng sẽ là một thách thức không nhỏ cho Việt Nam trong việc thu hút FDI. Vấn đề đặt ra ở đây không phải chỉ đơn giản là việc gia tăng về quy mô vốn đầu tư, mà quan trọng hơn là Việt Nam có một cơ cấu sản xuất như thế nào trong quá trình phân công sản xuất tại khu vực. Những ngành nghề được phân công chuyên môn hóa khu vực có đúng với tiến trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước hay không? Đó là một câu hỏi rất quan trọng mà Việt Nam phải giải quyết để có thể vượt qua thử thách, nắm bắt cơ hội và thu được nguồn vốn FDI lớn và đúng với mong muốn về ngành nghề, công nghệ trong chiến lược công nghiệp hóa. Nhìn từ góc độ các công ty đa quốc gia, họ sẽ đặt Việt Nam trong chiến lược sắp đặt các cứ điểm sản xuất trong phạm vi toàn khu vực.

Như vậy, trước hết các công ty đa quốc gia sẽ

chọn và đầu tư những ngành hoặc những sản phẩm có lợi thế so sánh trước mắt tại Việt Nam. Một số nước, đặc biệt Indonesia, có cơ cấu lợi thế so sánh giống Việt Nam. Đương nhiên, nước nào có môi trường đầu tư thuận lợi và hấp dẫn hơn sẽ thu hút được nhiều đầu tư của các công ty đa quốc gia hơn. Trong dài hạn, các công ty đa quốc gia sẽ xét đến lợi thế so sánh tiềm năng của từng nước mà bố trí chiến lược đầu tư. Nếu Việt Nam không có những chính sách chuẩn bị tích cực thì những lợi thế so sánh này sẽ trở thành bất lợi và công ty đa quốc gia sẽ chuyển sang đầu tư vào các nước khác.

Lợi ích cơ bản cho các doanh nghiệp Việt Nam khi tận dụng nhóm nhân tố này (hoặc được hưởng lợi từ nhóm nhân tố này) là có đủ các điều kiện môi trường thuận lợi cho các hoạt động đầu tư lâu dài trên nấc thang về chuỗi giá trị. Những cải thiện về môi trường chính sách và việc thực thi chính sách cũng giúp các doanh nghiệp có thêm các cơ hội tiếp cận những cấu phần sản xuất công nghiệp đa dạng và có giá trị cao. Ví dụ điển hình cho vấn đề này có thể thấy qua nỗ lực của Chính phủ trong việc thu hút đầu tư của Intel sẽ mở ra các cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận và trở thành nhà cung cấp cho các hãng công nghệ cao; hay như việc đàm phán tham gia TPP được dự báo là sẽ mở đường cho các cấu phần rất đa dạng của ngành công nghiệp hỗ trợ trong các ngành công nghiệp khác nhau vào Việt Nam như dệt may và ô tô. Thông qua đó, chắc chắn các doanh nghiệp Việt Nam sẽ có rất nhiều cơ hội tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu ở các cấu phần chế tạo với giá trị gia tăng cao hơn.

4. Một số khuyến nghị cho doanh nghiệp Việt Nam

Với ý tưởng tận dụng các nhóm nhân tố lợi thế quốc gia nêu trên, việc tham gia chuỗi giá trị toàn cầu gắn với doanh nghiệp FDI của các doanh nghiệp Việt Nam cần thực hiện theo những định hướng sau:

4.1. Chủ động liên kết với doanh nghiệp FDI có những cấu phần sản xuất được chuyển giao từ các nước phát triển tuyến trên

Việt Nam có điều kiện thu hút được nhiều vốn đầu tư từ những nước thừa vốn và đang có sự dịch chuyển cơ cấu mạnh sang các ngành có hàm lượng kỹ thuật cao, sử dụng ít nhân công trong khu vực như Singapore, Malaysia, Thái Lan... Trong giai đoạn tăng trưởng kinh tế theo chiều sâu, chắc chắn

làn sóng FDI sẽ đổ về theo chiều hướng này. Vì vậy, các doanh nghiệp nên chủ động chọn sẵn các cấu phần để chủ động tìm đối tác liên kết, cũng như đầu tư trước công nghệ, chuẩn bị nhân lực để tham gia đón nhận các cấu phần chuỗi giá trị khi có cơ hội.

4.2. Doanh nghiệp nội địa nên chủ động đón nhận và phát triển những ngành Việt Nam có lợi thế so sánh hiện thời để từng bước tham gia liên kết với doanh nghiệp FDI

Việt Nam có thể tận dụng ưu thế về lao động rẻ để đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa có hàm lượng lao động cao sang khu vực, thu hút thêm nguồn FDI đổ vào khu vực, đặc biệt là những ngành cần sử dụng nhiều lao động và nguyên liệu địa phương như: may mặc, da giày... Sự lựa chọn cho các doanh nghiệp Việt Nam trong mối liên kết với doanh nghiệp FDI đã đi từ nhận gia công giản đơn, giờ cần thu hút họ đầu tư vào Việt Nam để sản xuất những cấu phần có kỹ thuật và giá trị gia tăng cao hơn, hoặc đàm phán để nhận chuyển giao công nghệ và quản lý để tự làm chủ các cấu phần có giá trị gia tăng cao hơn.

4.3. Tìm mối liên kết với doanh nghiệp FDI ngay từ khi họ đề trình dự án đầu tư vào Việt Nam

Khi tham gia chính thức vào khu vực mậu dịch tự do, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang và sẽ hoạt động ở Việt Nam không chỉ có một thị trường trong nước gần 88 triệu dân với thu nhập trên 1000 USD/người/năm mà là một thị trường toàn cầu. Như vậy, cơ hội cho các nhà đầu tư nước ngoài đem vốn vào Việt Nam sẽ rộng mở hơn, điều đó sẽ giúp Việt Nam có thêm nhiều dự án đầu tư mới. Điều này luôn đi kèm với chiến lược bố trí mạng sản xuất toàn cầu của chính các tập đoàn đa quốc gia. Chính phủ đã đặt sẵn lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế, thì Chính phủ nên và rất cần khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp nội địa liên kết với các doanh nghiệp FDI ngay từ khi họ xây dựng kế hoạch hoạt động tại Việt Nam.

4.4. “môn đăng hộ đối” và thực tế trong việc lựa chọn các cấu phần sản xuất phù hợp trong chuỗi giá trị toàn cầu để liên kết với các doanh nghiệp FDI

Trong vấn đề này, bên cạnh nỗ lực lôi kéo các dự án FDI của Chính phủ, các doanh nghiệp nội địa cần chủ động đầu tư các công nghệ phù hợp, chọn lộ trình phát triển thích hợp để chủ động liên kết được

với các đối tác phù hợp và đón nhận các cầu phần sản xuất có lợi thế so sánh và giá trị gia tăng cao hơn.

4.5. Chủ động phát triển công nghiệp hỗ trợ cho các ngành công nghiệp chủ chốt

Đây chính là chìa khóa tham gia chuỗi giá trị toàn cầu trong ngành công nghiệp đồng thời cũng là chìa

khóa cho các mối liên kết doanh nghiệp nội địa – doanh nghiệp FDI khi làn sóng FDI mới đổ về Việt Nam sau các định hướng về cơ cấu lại nền kinh tế vĩ mô. Việt Nam đang được đánh giá là quốc gia có nguồn lao động tiềm năng – trẻ, năng động, học hỏi nhanh, song tiềm năng này sẽ không được phát huy nếu không có chính sách đào tạo và đãi ngộ phù hợp. □

Tài liệu tham khảo:

- Đàm Quang Vinh (2014), ‘Gắn kết doanh nghiệp nội địa - doanh nghiệp FDI tại Việt Nam theo cách tiếp cận “chuỗi giá trị toàn cầu”’, Kỷ yếu hội thảo *Khởi tạo động lực tăng trưởng mới: tăng cường liên kết doanh nghiệp FDI - Nội địa (Creating new growth momentum: strengthening FDI - local enterprises linkages)*, Đại học Kinh tế Quốc dân, Trang 233.
- Nguyễn Công Bình (2008), *Quản lý chuỗi cung ứng*, NXB Thống kê.
- Nguyễn Văn Hùng (2008), ‘Tham gia chuỗi giá trị ô tô toàn cầu: Kinh nghiệm quốc tế và gợi ý vận dụng đối với Việt Nam’, luận văn thạc sĩ, Đại học Kinh tế quốc dân.
- Porter, M. E. (1985), *Competitive Advantage*, Nhà xuất bản Free Press, New York.

Joining the global value chain - benefits of local companies while integrating in a global production network of multinational companies in Vietnam

Abstract:

This article focuses on the benefits of Vietnamese companies participating in the “global value chain” through foreign direct investment (FDI) projects of multinational companies (MNCs) in Vietnam. The author analyses the concept of “global value chain”, the flows of the world's production, redistribution process of MNCs’ manufacturing network and the FDI attracting strategy in the links with local enterprises. Then, suggestions on the choices of the best components in the chain are provided.

Thông tin tác giả:

***Đàm Quang Vinh, Tiến sĩ**

- Tổ chức tác giả công tác: Viện Thương mại và Kinh tế quốc tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Lĩnh vực nghiên cứu chính của tác giả: Kinh doanh quốc tế, Kinh tế học quốc tế
- Một số tạp chí tiêu biểu mà tác giả đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: Tạp chí Kinh tế và Phát triển; Kinh tế và dự báo – Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Tạp chí Những vấn đề Kinh tế và Chính trị Thế giới – Viện Khoa học Xã hội Việt Nam
- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ email: damquangvinhneu@gmail.com